TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2020

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYÊN MỸ XUYÊN

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Tám
2. Ông Bùi Anh Đức

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Tô Văn Đằng - Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số29/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Đăng Anh T**, sinh năm 1992.(có mặt)
Địa chỉ: Số 316 ấp Cổ C, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.
Bị đơn: Ông **Phan Văn S**, sinh năm 1987. (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 218 ấp Thạnh H, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019, nguyên đơn bà Bùi Đăng Anh T trình bày: Bà Bùi Đăng Anh T và ông Phan Văn S kết hôn vào năm 2018 có đăng ký kết hôn ngày 10/4/2018 tại UBND xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm đến đầu 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau. Nên vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng chưa có con. Nay bà Bùi Đăng Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phan Văn S.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phan Văn S: Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông S. Về con chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra đối với việc tuân thủ pháp luật trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Sau khi thụ lý tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn Phan Văn S không có ý kiến trả lời, nhưng bị đơn ông Phan Văn S vắng mặt . Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Văn S.

[2] Về nội dung: Bà Bùi Đăng Anh T và ông Phan Văn S kết hôn vào năm 2018 có đăng ký kết hôn ngày 10/4/2018 tại UBND xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm đến đầu 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau. Nên vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng chưa có con. Nay bà Bùi Đăng Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phan Văn S Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa bà T và ông S không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc và ông, bà đã ly thân nhau không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông S là có căn cứ pháp luật để chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Bùi Đăng Anh T và ông Phan Văn S không có con chung do đó không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí*:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Bùi Đăng Anh Thư phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản điểm b, khoản2 Điều 227; khoản 3 Điều 228**;** Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Đăng Anh T.

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Đăng Anh T được ly hôn với ông Phan Văn S.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Bùi Đăng Anh T phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0000107 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Phan Văn S thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục T.H.ADS huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng KTNV&THA –TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Tùng